TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ - PT
Ngày 19 - 7 - 2022
"V/v Ly hôn và tranh chấp
con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phượng

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Luông

Ông Võ Thái Sơn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hol – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang*:** Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2022, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 10/2022/TLPT - HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc "Ly hôn và tranh chấp con chung".

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 29/2022/HNGĐ - ST ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2022/QĐ - PT ngày 24 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Phúc H, sinh năm 1994 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, thị trấn K, huyện P, tỉnh Hậu Giang

2. Bị đơn: Anh Lương Văn Q, sinh năm 1988 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, thị trấn K, huyện P, tỉnh Hậu Giang

3. Người kháng cáo: Bị đơn anh Lương Văn Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn chị Lê Thị Phúc H trình bày: Chị Lê Thị Phúc H và anh Lương Văn Q tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, thường xuyên cự cãi, anh Q không chia sẽ trách nhiệm công việc trong gia đình. Ngoài ra anh Q còn có tính gia trưởng, áp đặt, không cho chị được quen bạn bè. Từ đó cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nên vợ chồng chị đã sống ly thân hơn 07 tháng. Chị H nhận thấy không còn tình cảm với anh Q và không muốn kéo dài cuộc hôn nhân này nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh Lương Văn Q.

Về con chung: Giữa chị H và anh Q có 02 người con chung là cháu Lương Lê N (giới tính nữ), sinh ngày 24/02/2014 và Lương Lê Thiên E, sinh ngày 22/01/2019. Hai con chung hiện đang sống chung với chị H, chị H yêu cầu được nuôi cả hai đứa con, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Trước đây, chị là giáo viên Trường Tiểu học thị trấn K, lương hưởng theo chế độ là 5,4 triệu một tháng, hiện tại chị làm cho thẩm mỹ viện, thu nhập khoảng 08 triệu nên đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lương Văn Q trình bày: Anh Q thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về thời gian kết hôn và con chung. Khi kết hôn anh Q sống cùng chị H bên nhà mẹ ruột của chị H. Quá trình chung sống thì vợ chồng anh sống hạnh phúc, đến khoảng cuối năm 2020, chị H có quen biết với một số bạn bè ngoài chợ Kinh Cùng, nên thường xuyên đi nhậu, có khi nhậu đến 10 giờ khuya mới về, anh có khuyên nhiều lần nhưng chị H không nghe, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi. Mâu thuẫn trở nên nghiêm trọng hơn, khi chị H nói rằng sống với anh nghèo khổ nên không muốn sống chung với anh nữa nên xua đuổi anh về nhà mẹ ruột của anh. Hiện tại vợ chồng anh đã sống ly thân với nhau khoảng 07 tháng, anh có nhiều lần gặp chị H và gọi điện để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị H không đồng ý, chị H nói vợ chồng không còn hợp nhau nữa. Chị H yêu cầu ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Lương Lê N (giới tính: Nữ), sinh ngày 24/02/2014 và Lương Lê Thiên E (giới tính: Nam), sinh ngày 22/01/2019. Hai người con chung hiện đang sống tại nhà cha mẹ vợ. Nếu ly hôn, anh yêu cầu

được nuôi cả hai người con. Anh Q hiện tại làm quản lý của Xưởng cơ khí S, thu nhập từ 12 triệu một tháng nên anh có đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị H giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu khởi kiện, anh Q thay đổi ý kiến, anh không đồng ý ly hôn và yêu cầu được nuôi hai người con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Tại Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 29/2022/HNGĐ - ST ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Phúc H được ly hôn với anh Lương Văn Q.

2. Về con chung: Giao 02 con chung chưa thành niên tên Lương Lê N (giới tính nữ), sinh ngày 24/02/2014 và Lương Lê Thiên E (giới tính nam), sinh ngày 22/01/2019 cho chị Lê Thị Phúc H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lương Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 14/4/2022, bị đơn anh Lương Văn Q có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, anh Q đồng ý ly hôn với chị Lê Thị Phúc H và yêu cầu cấp phúc thẩm giao cháu Lương Lê N (giới tính nữ), sinh ngày 24/02/2014 và không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng qui định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Lương Văn Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*

Nguyên đơn chị Lê Thị Phúc H khởi kiện ly hôn với bị đơn anh Lương Văn Q và tranh chấp quyền nuôi con. Bị đơn cư trú tại ấp L, thị trấn K, huyện P, tỉnh Hậu Giang nên Tòa án nhân dân huyện P thụ lý, giải quyết với quan hệ pháp luật "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" là đúng quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/4/2022, bị đơn anh Lương Văn Q có đơn kháng cáo đúng qui định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] *Về nội dung*:

Xét kháng cáo của bị đơn anh Lương Văn Q về việc yêu cầu trực tiếp nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị Lê Thị Phúc H và anh Lương Văn Q chung sống với nhau có 02 con chung tên Lương Lê N (giới tính nữ), sinh ngày 24/02/2014 và Lương Lê Thiên E (giới tính nam), sinh ngày 22/01/2019.

Sau khi kết hôn chị H và anh Q cùng sống chung tại nhà mẹ ruột của chị H. Sau khi anh Q và chị H sống ly thân, chị H vẫn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu Lương Lê N và Lương Lê Thiên E cho đến nay. Trong khoảng thời gian sống chung với chị H, cháu N và cháu Thiên E được mẹ và ông bà ngoại trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục chu đáo. Mặt khác, cháu Lương Lê N xác định cháu sống cùng với mẹ và em trai từ khi cha mẹ không chung sống với nhau cho đến nay. Cháu N có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ vì được mẹ yêu thương, chăm sóc, giáo dục chu đáo, không có nguyện vọng sống cùng cha. Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Phúc H, giao cháu Lương Lê N cho chị H tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là đúng quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu N.

Anh Lương Văn Q kháng cáo dành quyền nuôi cháu Lương Lê N, nhưng không đúng với nguyện vọng của cháu N và không cung cấp được chứng cứ

chứng minh phản bác nội dung của bản án sơ thẩm. Do vậy, yêu cầu kháng cáo của anh Lương Văn Q không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] *Về án phí:* Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục về án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016), anh Lương Văn Q phải chịu án phí phúc thẩm.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Lương Văn Q. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Phúc H được ly hôn với anh Lương Văn Q.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Lương Lê N (giới tính nữ), sinh ngày 24/02/2014 và cháu Lương Lê Thiên E (giới tính nam), sinh ngày 22/01/2019 cho chị Lê Thị Phúc H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lương Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

3.1. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị Phúc H chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007652 ngày 13/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

3.2. Án phí Hôn nhân và Gia đình phúc thẩm:

Buộc anh Lương Văn Q phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Chuyển 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00008039 ngày 14/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 19/7/2022.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND H. P;
- Chi cục THADS H. P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Phượng